

# MARKET LENS

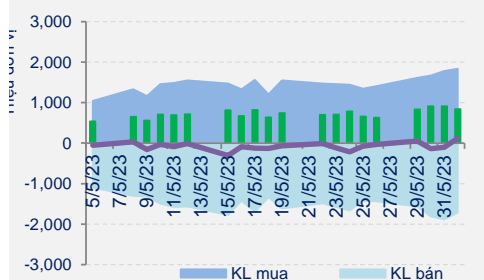
Phiên giao dịch ngày: 1/6/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

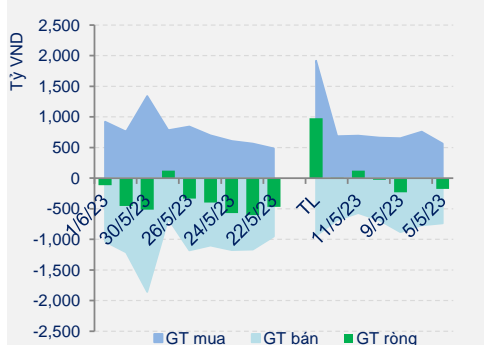
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,078.39	223.97
% Thay đổi	↑ 0.30%	↑ 0.52%
KLGD (CP)	837,606,602	120,358,218
GTGD (tỷ đồng)	13,854.91	1,649.90
Tổng cung (CP)	1,719,869,720	168,896,800
Tổng cầu (CP)	1,839,277,030	175,221,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	36,970,200	629,380
KL mua (CP)	31,051,900	953,305
GT mua (tỷ đồng)	920.61	27.18
GT bán (tỷ đồng)	1,036.51	9.82
GT ròng (tỷ đồng)	(115.90)	17.37

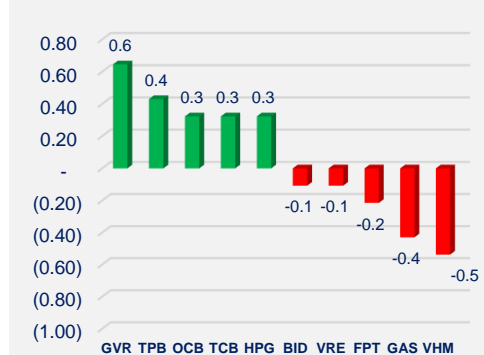
### Tương quan cung cầu HOSE



### Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



### Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX có diễn biến khá kịch tính trong phiên hôm nay khi tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về vùng 1.070 điểm với thanh khoản ở mức trung bình, sau đó lực cầu gia tăng, phục hồi tăng điểm tốt với thanh khoản tăng. Kết phiên VN-INDEX tăng 3,22 điểm (0,30%) lên mức 1.078,39 điểm. Kể từ khi VNINDEX giảm mạnh dưới đường MA200 ngày 19/04/2022 và sau gần 03 năm từ tháng 08/2020 VN-INDEX mới đóng cửa trên đường giá trung bình MA200, mở ra tâm lý kỳ vọng tích cực cho thị trường. HNX-INDEX tăng 1,16 điểm (0,52%) lên mức 223,97 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết duy trì tích cực với tổng cộng 327 mã tăng điểm (50 mã tăng trần), 22834 mã giảm giá (01 mã giảm sàn) và 120 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt trên 15.500 tỉ đồng, giảm 12,83% so với phiên trước, duy trì vượt mức trung bình cho thấy mức độ phân hóa mạnh, nhiều mã chịu áp lực bán ngắn hạn, điều chỉnh với thanh khoản thấp. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng phiên với giá trị 115,90 tỉ đồng trên HOSE, mua ròng trên HNX với giá trị 17,37 tỉ đồng.

Thông tin khá tích cực có thể hỗ trợ thị trường trong phiên hôm nay là Hạ viện Mỹ đã thông qua dự luật đình chỉ trần nợ 31.400 tỷ trong 2 năm. Dự luật sẽ được tiếp tục chuyển đến Thượng viện để xem xét thông qua trước hạn chót là ngày 5/6 nhằm giúp Mỹ tránh một vụ vỡ nợ gây hệ quả kinh tế nghiêm trọng.

Thị trường bắt đầu phân hóa với nhiều mã chịu áp điều chỉnh ngắn hạn trong phiên đầu tiên tháng 06/2023 như nhóm đầu tư công, xây dựng, vật liệu xây dựng với FCN (-1,62%), KSB (-0,75%), C4G (-0,74%), LCG (-0,74)... Nhóm cổ phiếu dầu khí cũng chịu áp lực tương tự với thanh khoản ở mức trung bình như PVB (-2,53%), PVC (-1,63%), PVS (-1,29%), PVD (-1,24%)....

Trong khi đó nhóm cổ phiếu ngân hàng đa số có diễn biến tích cực nhất trong thời gian qua, nhiều mã tăng hết biên độ với thanh khoản đột biến mạnh như KLB (+13,16%), BVB (+6,60%), NAB (+6,56%), OCB (+6,19%), TPB (+4,60%), EIB (+2,71%)...

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến tích cực với lực cầu mua giá lên gia tăng mạnh trong phiên chiều thể hiện kỳ vọng của thị trường khi VN-INDEX sau thời gian dài có thể vượt lên đường giá MA200 như VIX (+4,16%), TVS (+4,04%), VND (+4,00%), FTS (+2,74%)...

Các cổ phiếu ngành bất động sản có diễn biến phân hóa trái chiều, thanh khoản vẫn gia tăng tốt ở các mã chưa tăng nhiều và nhóm có thị giá thấp với LGL (+6,95%), QCG (+6,93%), TDH (+6,87%), NVL (+2,96%), PDR (+2,05%).. trong khi nhiều mã tiếp tục chịu áp lực bán trong vùng quá mua ngắn hạn như ITC (-3,02%), TDC (-1,43%), NBB (-1,34%)....

Nhóm cổ phiếu hóa chất, thủy sản, bán lẻ, nông nghiệp.. cũng có diễn biến khá tích cực với thanh khoản gia tăng tốt vượt mức trung bình như CSV (+1,89%), DGC (+1,87%)... ACL (+6,84%), ANV (+2,58%), IDI (+1,62%)... DGW (+2,26%), FRT (+1,88%), PET (+1,55%)... QNS (+4,41%), TAR (+2,56%), LSS (+1,20%)..

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2306 tăng 2,4 điểm (-0,23%), mức chênh lệch thu hẹp còn -3,03 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng 13,85% so với phiên trước, khối lượng mở OI xu hướng tăng tốt hơn cho thấy các vị thế mua nắm giữ gia tăng, và thị trường đang kỳ vọng VN30 tăng trưởng ngắn hạn. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2307, VN30F2309, VN30F2312 chênh lệch từ -7,09 điểm đến -10,59 điểm.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường lấy lại toàn bộ số điểm của phiên điều chỉnh trước, mặc dù biến động thị trường trong các phiên sau bùng nổ là không lớn nhưng thị trường tiếp tục cho thấy sức mạnh ổn định. Nhìn trên đồ thị có thể thấy VN-Index đang tạo ra nền tảng tích lũy nhỏ sau bùng nổ và đã vượt lên trên MA200, qua đó duy trì kỳ vọng tiếp tục tăng điểm trong thời gian tới.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục ngay sau phiên điều chỉnh nhẹ dù đây là phiên T+3 của phiên bùng nổ cho thấy động lực tăng của thị trường tiếp tục duy trì tốt, phiên hồi phục giúp thị trường tiếp tục củng cố sức mạnh để tiếp tục xu hướng tăng. Chốt phiên VnIndex đóng cửa ở 1.078,39 điểm (+3,22 điểm, +0,30%) và như chúng tôi đã dự báo và liên tục đề cập trong các bản tin vừa qua trong ngắn hạn chỉ số tiếp tục vận động trong sóng hồi phục với mục tiêu là vùng kháng cự quanh 1.100 điểm - 1.150 điểm là vùng đỉnh của các sóng trước.

Xu hướng trung – dài hạn của chỉ số duy trì tích cực với vùng tích lũy rộng của chỉ số từ 1.000 điểm - 1.150 điểm. Trường hợp VN-Index vượt qua vùng 1.150 điểm, thị trường có thể hình thành uptrend mới, nếu thất bại thì ngưỡng hỗ trợ của sẽ quanh khu vực 1.000 điểm - 1.050 điểm

Nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét mua vào trong các phiên điều chỉnh đối với các cổ phiếu thu hút được dòng tiền và vận động tích cực. Nhà đầu tư trung và dài hạn sau khi đã cơ cấu được danh mục hợp lý như khuyến nghị có thể tận dụng các giai đoạn điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng. Mục tiêu giải ngân nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng ổn định đang vận động trong trạng thái tích lũy.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

1/6/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
KBC	28.50	25-26.5	31-32	25	10.9	221.4%	95.7%	Theo dõi chờ giải ngân
PVD	23.90	22.5-23.8	26.5-27.5	22	508.5	7.1%	217.2%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	18.80	16-17	20.5-21	15	22.7	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	40.20	38-39	45-47	37	3.9	0.4%	-40.5%	Theo dõi chờ giải ngân
HCM	27.40	25-26.6	30-31	23	18.1	-41.0%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	13.50	12.5-13.2	15-15.5	12	16.9	33.6%	-79.2%	Theo dõi chờ giải ngân
LPB	14.70	14-14.6	16.3-16.8	13	5.5	0.0%	-12.5%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	32.40	27.4	34-36	30	18.25%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	23.80	18	24-26	22.5	32.22%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	46.40	40	50-52	44	16.00%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	30.60	25.1	33-34	29	21.91%	Nắm giữ
5/5/23	ITC	12.85	9.08	13.5-14.2	12	41.52%	Nắm giữ
8/5/23	PVT	21.10	20.45	26-27	20	3.18%	Nắm giữ
9/5/23	VOS	12.00	11	14.5-15.5	11.4	9.09%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	13.05	12.75	18-18.5	12.5	2.35%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	56.00	54.8	65-67	54	2.19%	Nắm giữ



TIN DOANH NGHIỆP

**Giá xăng vượt 22.000 đồng một lít**

Từ 15h ngày 1/6/2023, mỗi lít xăng tăng 390-520 đồng lên gần 21.500 đồng; các mặt hàng dầu giảm 10-270 đồng một lít, kg.

**Thêm 430 MW điện tái tạo được phát**

Theo số liệu cập nhật từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), đến chiều 31/5, 9 dự án điện tái tạo chuyển tiếp gửi hồ sơ công nhận ngày vận hành thương mại (COD) - đây là điều kiện để các dự án phát điện lên lưới. Trong đó, 7 dự án, phần dự án với tổng công suất hơn 430,2 MW được phát điện lên lưới, tăng gấp đôi công suất vận hành so với cách đây hai ngày. Ngoài ra, 40 dự án khác được Bộ Công Thương phê duyệt giá tạm.

**Bộ trưởng Tài chính: Sẽ xử lý vi phạm bảo hiểm liên kết đầu tư**

Bộ trưởng Tài chính Hồ Đức Phớc cho biết, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước đang phối hợp xử lý ngân hàng, công ty bảo hiểm vi phạm về sản phẩm liên kết đầu tư. Bộ trưởng thừa nhận có những tồn tại trong liên kết ngân hàng và công ty bảo hiểm để bán sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, hưởng hoa hồng. Hợp đồng bảo hiểm dài, chưa rõ ràng nên người mua sẽ bị thua thiệt nếu không đọc kỹ.

**PMI tháng 5/2023: Số lượng đơn đặt hàng mới giảm mạnh nhất trong 20 tháng**

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index (PMI) ngành Sản xuất Việt Nam của S&P Global đã giảm xuống 45.3 trong tháng 5 so với 46.7 trong tháng 4, đây là lần suy giảm tháng thứ ba liên tiếp của các điều kiện kinh doanh. Hơn nữa, mức giảm lần này của sức khỏe ngành sản xuất là đáng kể nhất kể từ tháng 9/2021.

## TIN VÍ MÔ

**Novaland dự kiến lãi thấp nhất 8 năm**

Tập đoàn Đầu tư địa ốc No Va (Novaland) đặt mục tiêu lãi sau thuế năm nay 2023 giảm 90% so với năm ngoái, đạt 214 tỷ đồng, mức thấp nhất kể từ 2015. Ngoài lợi nhuận, Novaland còn đặt mục tiêu doanh thu giảm 15% so với năm ngoái, dự kiến đạt 9.531 tỷ đồng. Công ty cho biết sẽ không chia cổ tức cho năm ngoái lẫn năm nay dù lợi nhuận chưa phân phối còn khoảng 13.000 tỷ đồng.

**Vượt hơn 40% kế hoạch lợi nhuận, Dệt May Huế (HDM) chốt quyền chia cổ tức năm 2022, tỷ lệ 72%**

Ngày 9/6, CTCP Dệt May Huế (HDM – UPCoM) sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 72%. Kết thúc năm 2022, Dệt May Huế ghi nhận tổng doanh thu đạt 2.057 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 170,6 tỷ đồng, lần lượt vượt 10,59% và vượt 42,17% các mục tiêu năm đã đề ra. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến cuối năm 2022 là 134,39 tỷ đồng.

**Viconship (VSC) chính thức vận hành cảng Nam Hải Đình Vũ**

Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (Viconship, mã VSC) chính thức tiếp quản Cảng Nam Hải Đình Vũ kể từ chiều 31/5/2023 sau khi nhận chuyển nhượng cổ phần từ Công ty cổ phần Gemadept. Việc sở hữu cảng Nam Hải Đình Vũ có thể giúp Viconship trở thành doanh nghiệp cảng lớn nhất tại Hải Phòng trong năm 2023, với tổng công suất khoảng 2,6 triệu TEU, tăng 36% so với năm 2022 và chiếm 30% thị phần khu vực.

**Điện Gia Lai (GEG) dự kiến phát hành 19,3 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022**

Công ty cổ phần Điện Gia Lai (mã chứng khoán GEG) vừa thông báo Nghị quyết HĐQT thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHCD thường niên năm 2022 thông qua ngày 26/4/2023. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 19.316.214 cổ phiếu. Tỷ lệ thực hiện quyền là 100:6. Thời gian thực hiện dự kiến phát hành trong năm 2023.

**Vietjet dẫn đầu dịch vụ bay của hàng không chi phí thấp toàn cầu 2023 do AirlineRatings bình chọn**

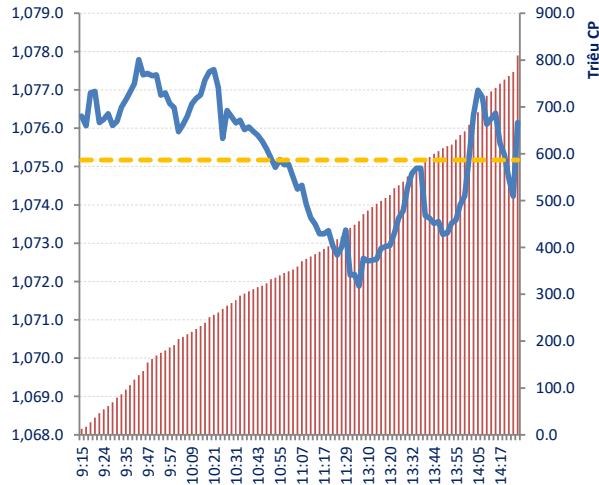
Vietjet vừa được bình chọn là “Hãng hàng không chi phí thấp có dịch vụ trên tàu bay tốt nhất năm 2023” (World’s Best Low-Cost Airline Onboard Hospitality 2023”) và tiếp tục được vinh danh là “Hãng hàng không siêu tiết kiệm tốt nhất thế giới năm 2023” (Best Ultra Low-Cost Airline 2023) lần thứ 5 liên tiếp. Bộ đôi giải thưởng được công bố bởi trang đánh giá an toàn và sản phẩm hàng không hàng đầu thế giới AirlineRatings.com.

**Ngược bão, doanh thu TNG duy trì đà tăng 4 tháng liên tiếp**

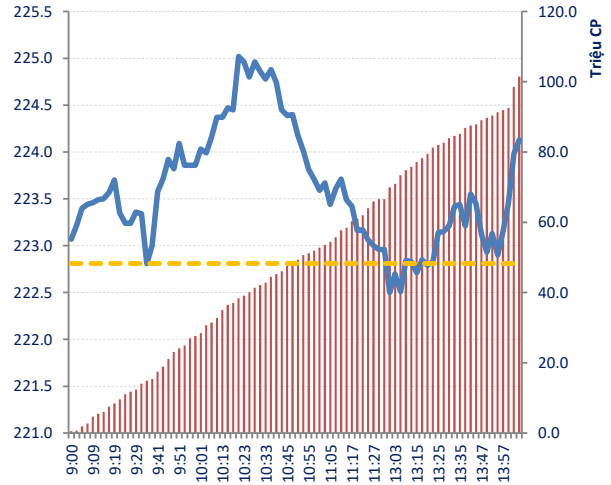
Trong bối cảnh xuất khẩu vẫn khó khăn, ngành dệt may chưa hồi phục, doanh thu tiêu thụ tháng 5/2023 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) vẫn duy trì đà tăng 2% so với cùng kỳ, đạt 668 tỷ đồng. Lũy kế 5 tháng đầu năm, doanh thu TNG đạt 2,630 tỷ đồng, tăng 159 tỷ đồng, tương ứng tăng 6.5% so với cùng kỳ.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

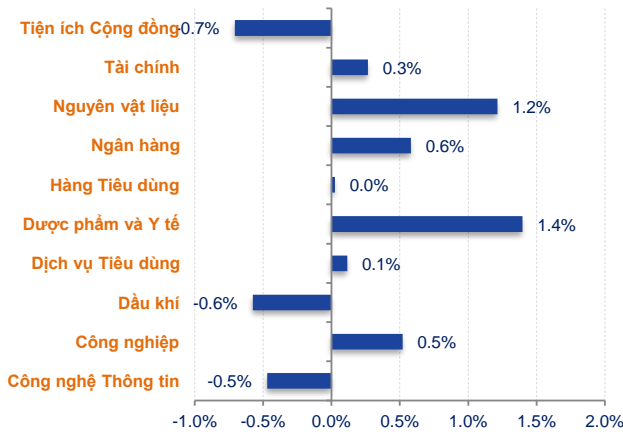
KLGD và VN-Index trong phiên



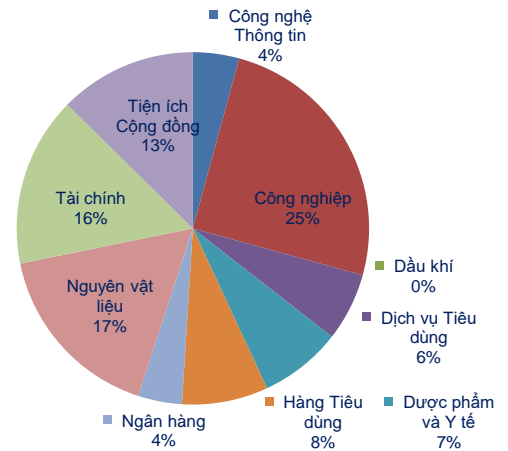
KLGD và HNX-Index trong phiên



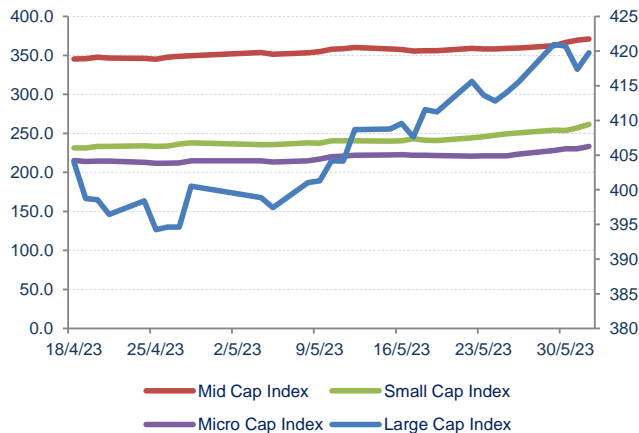
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



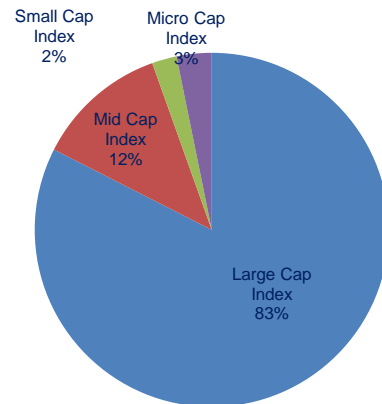
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ





## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NVL	1,231,800	GEX	1,505,500	1	PVS	504,205	SD5	250,900
2	DIG	690,700	NKG	1,149,900	2	DTD	226,500	NDX	75,500
3	VND	617,300	HSG	980,200	3	MBG	58,000	NVB	51,086
4	SSI	612,100	CTG	864,100	4	VCS	24,600	BVS	40,000
5	STB	390,500	VPB	790,400	5	CEO	20,100	PLC	40,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
GEX	15.45	16.50	↑ 6.80%	38,518,000	SHS	11.60	11.80	↑ 1.72%	20,962,332
VND	17.50	18.20	↑ 4.00%	36,679,200	CEO	27.00	26.90	↓ -0.37%	6,748,914
NVL	13.50	13.90	↑ 2.96%	30,648,500	PVS	31.00	30.60	↓ -1.29%	6,313,937
DIG	21.35	22.15	↑ 3.75%	23,101,000	AMV	5.00	5.30	↑ 6.00%	5,719,456
SHB	11.75	11.75	→ 0.00%	22,161,400	DDG	8.70	9.50	↑ 9.20%	5,079,756

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DXS	7.86	8.41	0.55	↑ 7.00%	CMS	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
ITA	5.29	5.66	0.37	↑ 6.99%	DL1	5.00	5.50	0.50	↑ 10.00%
CRC	5.45	5.83	0.38	↑ 6.97%	KSQ	2.00	2.20	0.20	↑ 10.00%
VNS	17.20	18.40	1.20	↑ 6.98%	CET	4.10	4.50	0.40	↑ 9.76%
LGL	4.17	4.46	0.29	↑ 6.95%	ITQ	3.10	3.40	0.30	↑ 9.68%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PMG	10.95	10.20	-0.75	↓ -6.85%	VC3	32.00	29.00	-3.00	↓ -9.38%
ADG	35.85	34.00	-1.85	↓ -5.16%	VNT	59.00	54.00	-5.00	↓ -8.47%
HRC	54.80	52.00	-2.80	↓ -5.11%	GLT	19.90	18.30	-1.60	↓ -8.04%
TBC	35.05	33.50	-1.55	↓ -4.42%	PJC	22.00	20.40	-1.60	↓ -7.27%
BTT	30.60	29.25	-1.35	↓ -4.41%	HTC	20.70	19.20	-1.50	↓ -7.25%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	38,518,000	0.1%	23	681.5	0.6
VND	36,679,200	4.1%	487	35.9	1.5
NVL	30,648,500	1.8%	414	32.6	0.6
DIG	23,101,000	2.2%	276	77.5	1.7
SHB	22,161,400	18.7%	2,610	4.5	0.8

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	20,962,332	2.1%	224	51.8	1.0
CEO	6,748,914	7.5%	1,057	25.6	1.9
PVS	6,313,937	5.6%	1,498	20.7	1.1
AMV	5,719,456	2.7%	343	14.6	0.4
DDG	5,079,756	4.2%	546	15.9	0.7

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DXS	↑ 7.0%	1.9%	345	22.8	0.4
ITA	↑ 7.0%	-1.7%	(192)	-	0.5
CRC	↑ 7.0%	6.9%	860	6.3	0.4
VNS	↑ 7.0%	16.5%	3,306	5.2	0.8
LGL	↑ 7.0%	1.4%	182	22.9	0.3

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMS	↑ 10.0%	0.7%	87	68.9	0.5
DL1	↑ 10.0%	3.4%	417	12.0	0.4
KSQ	↑ 10.0%	-20.9%	(2,031)	-	0.2
CET	↑ 9.8%	1.7%	192	21.3	0.4
ITQ	↑ 9.7%	-6.3%	(674)	-	0.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	1,231,800	1.8%	414	32.6	0.6
DIG	690,700	2.2%	276	77.5	1.7
VND	617,300	4.1%	487	35.9	1.5
SSI	612,100	6.9%	1,035	22.4	1.5
STB	390,500	14.9%	3,006	9.2	1.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	504,205	5.6%	1,498	20.7	1.1
DTD	226,500	22.9%	5,480	5.8	1.2
MBG	58,000	6.2%	697	8.7	0.6
VCS	24,600	19.3%	6,049	9.4	1.8
CEO	20,100	7.5%	1,057	25.6	1.9

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	444,857	23.2%	6,533	14.4	3.1
VHM	232,959	24.9%	8,269	6.5	1.5
BID	222,575	19.7%	3,972	11.1	2.0
VIC	198,325	5.1%	1,800	28.9	1.5
GAS	177,615	24.1%	7,689	12.1	2.8

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	14,817	5.6%	1,498	20.7	1.1
THD	13,895	4.0%	672	59.0	2.3
IDC	13,827	34.3%	6,675	6.3	2.2
PVI	11,829	0.5%	170	297.3	1.5
BAB	11,585	9.6%	1,141	12.2	1.1

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.14	-0.4%	(48)	-	0.5
IBC	2.94	-5.6%	(1,044)	-	0.1
SZC	2.64	8.8%	1,338	26.9	2.3
DXG	2.56	-1.5%	(355)	-	0.6
HHV	2.44	3.4%	980	15.0	0.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

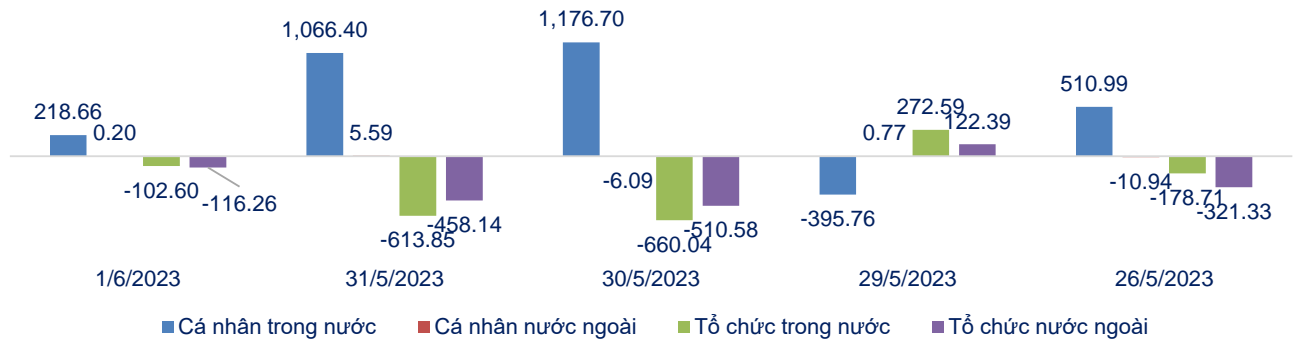
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
API	3.90	8.2%	921	16.4	1.3
IDJ	3.37	8.0%	901	17.0	1.3
APS	3.32	-44.5%	(5,589)	-	1.3
DTD	3.08	22.9%	5,480	5.8	1.2
VC7	3.05	2.4%	262	57.9	1.4





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VGC	88.10	13.6%	2,761	14.4	1.9
VNM	40.20	23.5%	3,881	17.0	4.0
HAH	25.85	27.0%	10,274	4.0	1.0
VPB	23.28	11.8%	1,796	10.7	1.2
MWG	22.98	11.4%	1,828	21.4	2.4

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-32.86	2.2%	276	77.5	1.7
SSI	-30.81	6.9%	1,035	22.4	1.5
ACB	-23.85	25.4%	4,304	5.9	1.4
FRT	-23.31	11.2%	1,863	34.2	3.7
VND	-16.56	4.1%	487	35.9	1.5

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HHV	1.66	3.4%	980	15.0	0.5
KBC	1.51	11.2%	2,620	10.7	1.1
STB	1.12	14.9%	3,006	9.2	1.3
ITA	0.97	-1.7%	(192)	-	0.5
FRT	0.87	11.2%	1,863	34.2	3.7

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-1.63	2.2%	276	77.5	1.7
RAL	-0.96	21.1%	23,424	4.5	0.9
VPG	-0.89	3.1%	582	28.3	0.9
DXG	-0.86	-1.5%	(355)	-	0.6
VND	-0.74	4.1%	487	35.9	1.5

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	23.85	25.4%	4,304	5.9	1.4
GEX	21.53	0.1%	23	681.5	0.6
EIB	20.16	14.8%	2,030	10.0	1.4
DIG	17.69	2.2%	276	77.5	1.7
SSI	16.56	6.9%	1,035	22.4	1.5

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VGC	-80.65	13.6%	2,761	14.4	1.9
MWG	-22.39	11.4%	1,828	21.4	2.4
REE	-17.14	14.7%	6,708	9.2	1.3
NVL	-17.06	1.8%	414	32.6	0.6
POW	-14.86	5.2%	729	18.7	0.9

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	21.72	11.2%	1,863	34.2	3.7
NVL	16.88	1.8%	414	32.6	0.6
DIG	16.80	2.2%	276	77.5	1.7
SSI	14.08	6.9%	1,035	22.4	1.5
VIC	13.09	5.1%	1,800	28.9	1.5

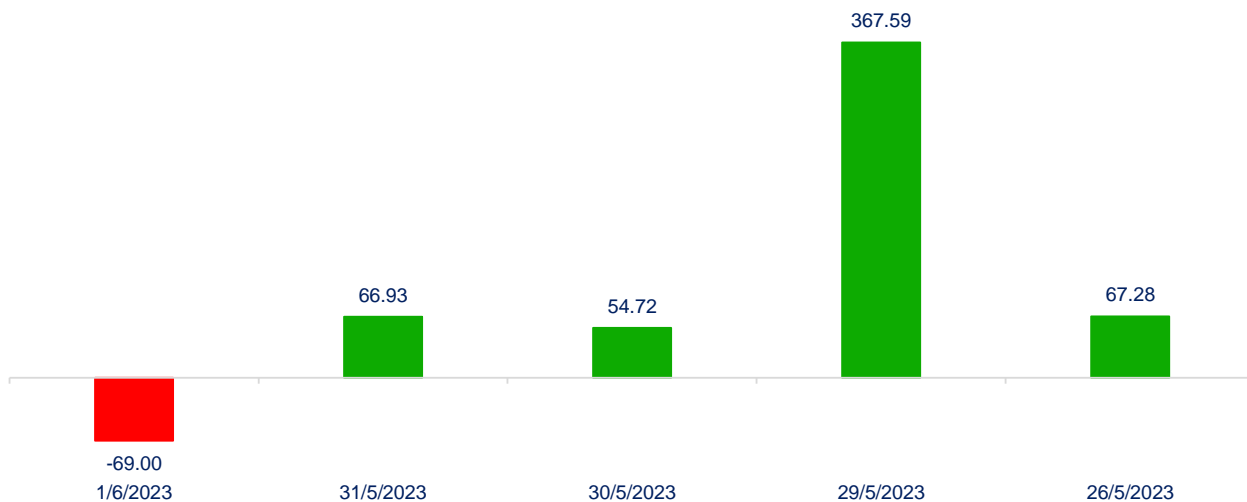
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-26.66	23.5%	3,881	17.0	4.0
HAH	-25.02	27.0%	10,274	4.0	1.0
GEX	-24.48	0.1%	23	681.5	0.6
CTG	-24.38	15.9%	3,548	7.9	1.2
GAS	-20.57	24.1%	7,689	12.1	2.8

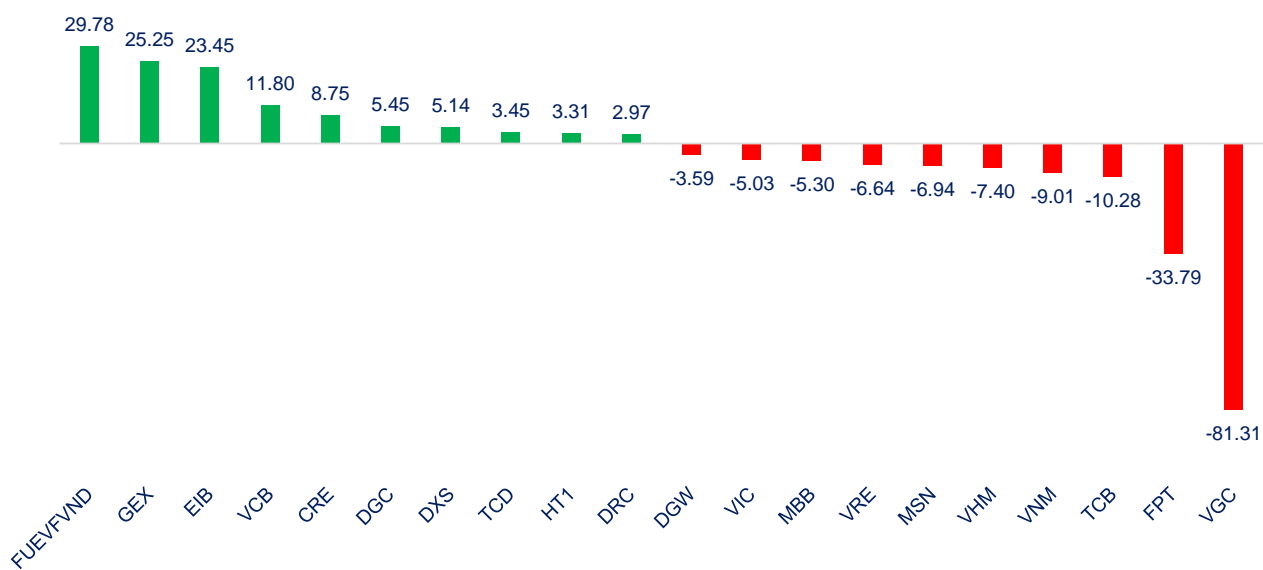


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)